

# XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SAU NĂM 2015

**PGS.TS. NGUYỄN CÔNG KHANH**  
Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

Năng lực là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận hành chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra của cuộc sống. Khung năng lực gồm hai nhóm năng lực chung cốt lõi (NLCC), đó là: Nhóm năng lực nhận thức, gồm các năng lực thuần tâm thần cốt lõi gắn liền với các quá trình tư duy; Nhóm năng lực phi nhận thức, gồm các năng lực không thuần tâm thần, có sự pha trộn các nét phẩm chất nhân cách cần thiết cho sự thành công học đường, thành công trong cuộc sống. Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất xây dựng khung năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

## I. Một số quan niệm về năng lực và năng lực của học sinh (HS) phổ thông

### 1. Khái niệm năng lực

*Năng lực là gì? Có sự phân biệt nào giữa năng lực và kĩ năng?*

Phạm trù năng lực thường được hiểu theo những cách khác nhau và mỗi cách hiểu có những thuật ngữ tương ứng:

- Năng lực (Capacity/Ability) hiểu theo nghĩa chung nhất là khả năng (hoặc tiềm năng) mà cá nhân thể hiện khi tham gia một hoạt động nào đó ở một thời điểm nhất định. Chẳng hạn, khả năng giải toán, khả năng nói tiếng Anh,... thường được đánh giá bằng các trắc nghiệm trí tuệ (ability tests);

- Năng lực (Competence) thường gọi là năng lực hành động: là khả năng thực hiện hiệu quả một nhiệm vụ/một hành động cụ thể, liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng, kĩ xảo và sự sẵn sàng hành động.

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực:

- Năng lực được xây dựng trên cơ sở tri thức, thiết lập qua giá trị, cấu trúc như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm/củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí (John Erpenbeck 1998);

- Năng lực là các khả năng và kĩ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực cũng hàm chứa trong nó tính sẵn sàng hành động, động cơ, ý chí và trách nhiệm xã hội để có thể sử dụng một cách thành công và có trách nhiệm các giải pháp... trong những tình huống thay đổi (Weinert, 2001). Năng lực của HS là sự kết hợp hợp lí kiến thức, kĩ năng và sự sẵn

sàng tham gia để cá nhân hành động có trách nhiệm và biết phê phán tích cực hướng tới giải pháp cho các vấn đề" (Weinert, 2001).

- Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể" (OECD, 2002).

Năng lực: là "khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống" (Québec- Ministère de l'Éducation, 2004);

- Năng lực là khả năng hành động, đạt được thành công và chứng minh sự tiến bộ nhờ vào khả năng huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực tích hợp của cá nhân khi giải quyết các vấn đề của cuộc sống" (Tremblay, 2002).

Như vậy, năng lực là khả năng ứng phó thành công hay năng lực thực hiện hiệu quả một loại/lĩnh vực hoạt động nào đó trên cơ sở hiểu biết (tri thức), biết cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng/kĩ xảo... để hành động phù hợp với những mục tiêu và *điều kiện thực tế hay hoàn cảnh thay đổi*.

Người có năng lực về một loại/lĩnh vực hoạt động nào đó cần có đủ các dấu hiệu cơ bản sau:

- Có kiến thức hay hiểu biết hệ thống/chuyên sâu về loại/lĩnh vực hoạt động đó.

- Biết cách tiến hành hoạt động đó hiệu quả và đạt kết quả phù hợp với mục đích (bao gồm xác định mục tiêu cụ thể, cách thức/hương pháp thực hiện hành động/ lựa chọn được các giải pháp phù hợp,... và cả các điều kiện, phương tiện để đạt mục đích).

- Hành động có kết quả, ứng phó linh hoạt hiệu quả trong những *điều kiện mới, không quen thuộc*.

Kĩ năng hiểu theo nghĩa hẹp là những thao tác, những cách thức thực hành, vận dụng tri thức/ kinh nghiệm thực hiện một hoạt động nào đó trong những môi trường quen thuộc. Hiểu theo cách này, kĩ năng có được là do kinh nghiệm, thực hành... làm nhiều thành quen... mà thiếu những hiểu biết/thiếu những tri thức... không giúp cá nhân thích ứng khi hoàn cảnh điều kiện thay đổi. Kĩ xảo là những hành động đã trở nên tự động hóa nhờ luyện tập.

Kĩ năng hiểu theo nghĩa rộng, bao hàm những kiến thức/ những hiểu biết... giúp cá nhân thích ứng khi hoàn cảnh điều kiện thay đổi. Ví dụ, Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) định

nghĩa: “*Kĩ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày*”. Kĩ năng sống là những cách hành xử giúp mỗi cá nhân hoà nhập vào môi trường xung quanh (gia đình, lớp học...), giúp cá nhân ứng phó một cách hiệu quả với những yêu cầu, thách thức của cuộc sống thường ngày, giúp họ hình thành các mối quan hệ, phát triển những nét nhân cách tích cực thuận lợi cho sự thành công học đường và thành công trong cuộc sống.

Kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo là cần thiết để hình thành năng lực trong một lĩnh vực hoạt động nào đó. Chẳng hạn, không thể có năng lực toán học nếu không có kiến thức toán học; không được luyện tập kĩ năng thực hành áp dụng những kiến thức toán để giải các bài tập. Nhưng kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo chỉ là một số yếu tố quan trọng trong tổ hợp nhiều yếu tố tạo nên năng lực toán học (yếu tố cần nhưng chưa đủ). Một cá nhân có thể có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo trong một lĩnh vực nào đó nhưng chưa chắc năng lực đã được hình thành trong lĩnh vực đó. Từ những cách hiểu trên, chúng tôi đưa ra một định nghĩa về năng lực như sau:

*Năng lực là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống. Năng lực là một cấu trúc động (trừu tượng), có tính mở, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kĩ năng,... mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội... thể hiện ở tính sẵn sàng hành động trong những điều kiện thực tế, hoàn cảnh thay đổi.*

### **2. Các đặc điểm và nguyên tắc phát triển năng lực**

Theo các nhà nghiên cứu, có các khuynh hướng nghiên cứu năng lực khác nhau:

Khuynh hướng thứ nhất liên quan đến việc *nắm bắt cấu trúc của năng lực*. Cấu trúc của năng lực thường phân chia thành các khu vực: tri thức (hiểu biết về lĩnh vực hoạt động); cách thức (kĩ năng) tổ chức tiến hành hoạt động; điều kiện tâm lí (thái độ: xúc cảm/tình cảm, động cơ, niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội...) và quan trọng là các yếu tố này *vận hành, kết nối* với nhau thế nào trong những tình huống đa dạng/bối cảnh sống của mỗi cá nhân.

Khuynh hướng thứ 2 liên quan đến việc *tìm hiểu sự hình thành, phát triển của năng lực*. Sự hình thành và phát triển của năng lực diễn ra trong cuộc sống của mỗi cá nhân (theo từng giai đoạn phát triển) nhờ sự tương tác, nương tựa lẫn nhau của các quá trình sinh học (do di truyền) và các quá trình tâm lí (không do di truyền).

Tuy nhiên, dù theo khuynh hướng nào thì cũng có 2 vấn đề quan trọng mà mỗi chúng ta nên ghi nhớ: 1/ Năng lực không phải là một là một thực thể có thể trực tiếp nhìn thấy được, nó là một cấu trúc trừu tượng và chúng ta phải suy luận về sự tồn tại của nó từ những

quan sát trực tiếp của chúng ta; 2/ Bạn có thể nghe một câu châm ngôn được trích dẫn rộng rãi: “Mỗi người trong số chúng ta ở góc độ nào đó giống mọi người, giống một số người khác và không giống ai”. Tức là có những năng lực chung (chẳng hạn như năng lực sử dụng ngôn ngữ- giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ) mọi người đều có, năng lực chuyên biệt (chẳng hạn như năng lực cảm thụ nghệ thuật...) một số người có và năng lực của mỗi cá nhân thường mang đậm bản sắc cá tính để cho thấy mỗi cá nhân là một chủ thể có tính “duy nhất” – không giống ai (phân biệt với người khác). Dưới đây là một số đặc điểm và các nguyên tắc phát triển năng lực:

- Mỗi cá nhân để thành công học đường, thành đạt, hạnh phúc cần sở hữu nhiều loại năng lực khác nhau.

- Năng lực của cá nhân thể hiện qua hoạt động (có thể quan sát được ở các tình huống, hoàn cảnh khác nhau) và có thể đo lường/ đánh giá được.

- Năng lực thường tồn tại dưới hai hình thức: năng lực chung (key competencies) và năng lực chuyên biệt (domain-specific competencies). Năng lực chung là *những năng lực cần thiết để cá nhân có thể tham gia hiệu quả trong nhiều loại hoạt động và các bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội*. Năng lực chung cần thiết cho mọi người. Năng lực chuyên biệt thường liên quan đến một môn học cụ thể (Ví dụ: năng lực cảm thụ văn học trong môn Văn...) hoặc một lĩnh vực hoạt động có tính chuyên biệt (Ví dụ: năng lực biểu diễn kịch câm; năng lực nhảy dancesport;...), cần thiết ở một hoạt động cụ thể, đối với một số người hoặc cần thiết ở những bối cảnh nhất định. Các năng lực chuyên biệt không thể thay thế các năng lực chung.

- Năng lực của mỗi cá nhân là một phổ từ năng lực bậc thấp như nhận biết/ tìm kiếm thông tin (tái tạo)... tới năng lực bậc cao (khái quát hóa/phản ánh). Ví dụ, theo nghiên cứu của OECD (2004) thì có 3 lĩnh vực năng lực từ thấp đến cao, đó là: 1/ Lĩnh vực năng lực I: Tái tạo; 2/ Lĩnh vực năng lực II: Kết nối; 3/ Lĩnh vực năng lực III: Khái quát hóa/phản ánh.

- Năng lực và các thành tố của nó không bất biến mà được hình thành và biến đổi liên tục trong suốt cuộc sống của mỗi cá nhân.

### **3. Năng lực của HS phổ thông**

Từ định nghĩa làm việc về năng lực của một cá nhân đã được đề xuất ở phần trên, chúng tôi cho rằng: *Năng lực của HS là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kĩ năng, thái độ... phù hợp với lứa tuổi và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lí vào thực hiện thành công nhiệm vụ học tập, giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra cho chính các em trong cuộc sống. Năng lực của HS là một cấu trúc động (trừu tượng), có tính mở, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kĩ năng,... mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội... thể hiện ở tính sẵn sàng hành động của các em*

trong môi trường học tập của nhà trường phổ thông... và những điều kiện thực tế đang thay đổi của xã hội. Từ định nghĩa này cho thấy các dấu hiệu quan trọng sau:

- Năng lực của HS phổ thông không chỉ là khả năng tái hiện tri thức, thông hiểu tri thức, kĩ năng học được..., mà quan trọng là khả năng hành động, ứng dụng/vận dụng tri thức, kĩ năng này để giải quyết những vấn đề của chính cuộc sống đang đặt ra với các em.

- Năng lực của HS không chỉ là vốn kiến thức, kĩ năng, thái độ sống phù hợp với lứa tuổi mà là sự kết hợp hài hòa của cả 3 yếu tố này thể hiện ở khả năng hành động (thực hiện) hiệu quả, muốn hành động và sẵn sàng hành động (gồm động cơ, ý chí, tự tin, trách nhiệm xã hội...).

- Năng lực nhận thức của HS là một phổ từ năng lực bậc thấp như tái hiện/biết, thông hiểu kiến thức, có kĩ năng (biết làm)... đến năng lực bậc cao như phân tích, khái quát tổng hợp, đánh giá, sáng tạo. Nó được hình thành và phát triển trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của mỗi HS trong những điều kiện/ bối cảnh cụ thể.

- Năng lực được hình thành, phát triển ở trong và ngoài nhà trường. Nhà trường được coi là môi trường giáo dục chính thống giúp HS hình thành những năng lực chung, cần thiết, song đó không phải là nơi duy nhất. Những môi trường khác như: gia đình, cộng đồng,... cùng góp phần bổ sung và hoàn thiện các năng lực của các em.

Năng lực của HS gồm: năng lực chung và năng lực chuyên biệt. Năng lực chung của HS lại có thể phân thành 2 nhóm sau:

\* **Nhóm các năng lực nhận thức:** đó là các năng lực thuần tâm thần gắn liền với các quá trình tư duy/nhận thức (xuất phát từ bên trong cá nhân) như năng lực ngôn ngữ (giao tiếp tiếng mẹ đẻ); năng lực tính toán và suy luận logic/tư duy trừu tượng; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tri giác không gian; năng lực sáng tạo; năng lực cảm xúc; năng lực tương tác; năng lực ghi nhớ; năng lực tự học; năng lực ngoại ngữ; năng lực sử dụng công nghệ (ICT)... và năng lực nghĩ về cách suy nghĩ – siêu nhận thức). Mỗi năng lực nhận thức này lại gồm một nhóm các năng lực cụ thể/ năng lực thành phần.

\* **Nhóm các năng lực phi nhận thức:** đó là các năng lực không thuần tâm thần, mà có sự pha trộn các nét/phẩm chất nhân cách như năng lực vượt khó; năng lực thích ứng; năng lực thay đổi suy nghĩ/tạo niềm tin tích cực; năng lực ứng phó stress,... năng lực quan sát; năng lực tập trung chú ý; năng lực quản lí/lãnh đạo/phát triển bản thân).

## II. Đề xuất khung NLCC ở lứa tuổi HS phổ thông

### 1. Cơ sở lí luận để xây dựng khung NLCC ở lứa tuổi HS phổ thông

1.1. Những xu thế quốc tế của phát triển chương trình giáo dục phổ thông

Các kết quả nghiên cứu về định hướng phát triển chương trình giáo dục phổ thông ở các nước phát triển cho thấy có các xu hướng sau:

- Định hướng theo hình mẫu: xác định những hình mẫu (HS, giáo viên, hiệu trưởng, nhà trường... cho tương lai. Chẳng hạn: Singapore phát triển mô hình School Exerllent Model (SEM); Các nước thuộc khối OECD xây dựng mô hình: Senarios Schooling For Tommorow (OECD, 2002).

- Tiếp cận năng lực: xu hướng chung của dạy học trên thế giới hiện nay là chuyển từ mục tiêu cung cấp tri thức sang hình thành các năng lực ở người học, hoạt động dạy định hướng vào tích cực hóa người học (học thế nào).

- Chuyển từ định hướng đầu vào/mục tiêu... đến định hướng đầu ra/ chuẩn hóa: mô tả kết quả đầu ra theo khung năng lực HS sẽ đạt được.

#### 1.2. Các lí thuyết tâm lí về sự phát triển nhận thức / nhân cách của trẻ em

- Theo lí thuyết đơn trí tuệ (truyền thống), sự phát triển các năng lực trí tuệ (nhận thức) của trẻ em phụ thuộc vào 3 yếu tố: (1) *Vốn hiểu biết /kiến thức/kinh nghiệm*; (2) *Tốc độ xử lí*; (3) *Năng lực học và áp dụng các chiến lược tư duy/nhận thức*. Việc sử dụng các chiến lược tư duy hiệu quả tạo ra sự khác biệt giữa các cá nhân có chỉ số IQ như nhau.

- Lí thuyết đa trí thông minh/đa trí tuệ (Multiple Intelligences): Theo các nhà nghiên cứu, trẻ em thông minh theo những kiểu khác nhau. Theo Gardner (1993) có sự tồn tại của 8 dạng thức/kiểu thông minh khác nhau và các kiểu thông minh này đều ảnh hưởng đến sự thành công của cá nhân. Đó là: 1/ Thông minh về ngôn ngữ; 2/ Thông minh về logic-toán học; 3/ Thông minh về thị giác, không gian; 4/ Thông minh về âm nhạc; 5/ Thông minh về cơ thể, cử chỉ, động học; 6/ Thông minh về xã hội, giao tiếp giữa con người; 7/ Thông minh về nội tâm; Thông minh về tự nhiên.

Theo Gardner, mỗi cá nhân phát triển một hoặc nhiều kiểu trí thông minh thông qua sự di truyền của gen (mỗi kiểu thông minh là một cách sử dụng khai thác các môđun thần kinh – Neural Modules), giáo dục và xã hội hoá của các giá trị văn hoá. Nói cách khác, các kiểu trí thông minh này tiến hoá qua sự tương tác giữa các tổ chất sinh học và những cơ hội tương tác, trải nghiệm tâm lí... do môi trường sống của cá nhân mang lại. Như vậy, theo Gardner mỗi trẻ em sở hữu một hoặc một số kiểu thông minh này, rất hiếm khi một đứa trẻ hội đủ các kiểu thông minh này. Do vậy, thay vì quan tâm đến trẻ có trí thông minh bao nhiêu thì hãy quan tâm xem trẻ thông minh như thế nào.

- Lí thuyết tương tác VH-XH (Social-cultural Theory) của vưgôtsky cho rằng sự phát triển nhận thức của trẻ em diễn ra theo 2 con đường: 1/ Các quá



*trình sinh học (cơ sở/nền tảng): diễn ra nhờ sự chín muồi sinh học (sự phát triển theo một chương trình được mã hoá trong gen – di truyền); 2/ Các quá trình tâm lí (ở bậc cao hơn): phát triển nhờ các tương tác văn hoá xã hội – không do di truyền). Sự phát triển nhận thức của trẻ em là kết quả của quá trình nội tâm hoá (nhập tâm) những gì chúng trải nghiệm/học được nhờ sự tương tác tích cực với người lớn hoặc nhóm bạn.*

- Các lí thuyết nhân cách (Personality Theories):

J. M. Burger, tác giả cuốn Nhân cách (5<sup>th</sup> Ed, năm 2000) định nghĩa “*Nhân cách là những mẫu hành vi/ứng xử có tính kiên định và những quá trình tâm lí trong mối quan hệ giữa chủ thể với bản thân, khởi xướng từ bên trong cá nhân*”. Các nhà nghiên cứu theo quan điểm này đều cho rằng nhân cách có tính kiên định. Người ta có thể nhận biết những mẫu hành vi/ứng xử kiên định, có tính ổn định tương đối qua thời gian và qua các tình huống (nét nhân cách/phẩm chất nhân cách) ở mỗi người như là những đặc trưng của nhân cách. Các nhà nghiên cứu theo quan điểm này cũng cho rằng nhân cách là các quá trình tâm lí trong mối quan hệ với bản thân gồm các quá trình nhận thức, động cơ, xúc cảm... xảy ra bên trong chúng ta (các năng lực thuần tâm thần), ảnh hưởng đến cách thức làm thế nào chúng ta cảm nhận và hành động. Theo các nhà tâm lí, hành động của mỗi cá nhân chịu sự chi phối của các nhân tố: *hành động có mục đích; hành động do xúc cảm/tâm trạng; hành động do thói quen; và hành động do hoàn cảnh đưa đẩy*. Điều này có nghĩa là có những năng lực không thuộc về nhận thức (các năng lực không thuần tâm thần, không khởi xướng từ bên trong cá nhân) chi phối kết quả hành động.

Gail F. Huon (2001) định nghĩa nhân cách như là một *cấu trúc phức hợp gồm các mặt tình cảm, nhận thức và hành vi, các mặt này cung cấp sự định hướng mạch lạc, chặt chẽ đối với cuộc sống của mỗi cá nhân*. Các nhà nghiên cứu nhân cách theo quan điểm này nhấn mạnh:

- (1) Nhân cách liên quan đến tất cả các khía cạnh chức năng của con người: tình cảm, nhận thức và hành vi hoặc cái gì chúng ta cảm nhận, suy nghĩ và hành động;
- (2) Những đặc tính này (tình cảm, nhận thức và hành vi) ảnh hưởng đến cách thức một người đáp lại môi trường (cả sinh lí và xã hội). Do đó những đặc tính này đưa ra sự định hướng cho cuộc sống của cá nhân. Các mẫu khác biệt của những đặc tính này quy định sự khác nhau giữa các cá nhân và tính độc nhất vô nhị ở mỗi người;
- (3) Nhân cách không chỉ liên quan đến cách thức cá nhân khác nhau mà còn liên quan đến các mặt có sự liên kết mạch lạc, chặt chẽ hoặc chức năng tổng thể của cá nhân như bản chất chịu đựng hoặc tính kiên trì của cá nhân trong quá trình thích nghi với môi trường.

**2. Đề xuất khung NLCC ở lứa tuổi HS phổ thông**

Trên cơ sở lí luận trên đây chúng tôi đề xuất khung

NLCC ở lứa tuổi HS phổ thông. Khung năng lực này gồm 2 nhóm năng lực chung cốt lõi:

\* **Nhóm các năng lực nhận thức (cốt lõi):** gồm các năng lực thuần tâm thần cốt lõi gắn liền với các quá trình tư duy (quá trình nhận thức):

- (1) *Năng lực ngôn ngữ (giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ);*
- (2) *Năng lực tính toán và suy luận logic/tư duy trừu tượng;*
- (3) *Năng lực giải quyết vấn đề;*
- (4) *Năng lực sáng tạo;*
- (5) *Năng lực cảm xúc;*
- (6) *Năng lực hợp tác/ tương tác xã hội;*
- (7) *Năng lực tự học/ học suốt đời;*
- (8) *Năng lực sử dụng công nghệ (ICT)*
- (9) *Năng lực ngoại ngữ*
- (10) *Năng lực siêu nhận thức (nghĩ về cách suy nghĩ).*

Mỗi năng lực nhận thức này lại gồm một nhóm các năng lực cụ thể/ năng lực thành phần. Các năng lực này đan xen vào nhau, có mối liên hệ với nhau, ranh giới phân chia các năng lực này thường khó xác định rõ ràng, nhưng chúng cũng có tính độc lập tương đối và có thể đo lường/ đánh giá được. 7 năng lực nhận thức đầu (1-7) cần thiết cho mọi HS phổ thông, 3 năng lực nhận thức sau (8-10) cần thiết đặc biệt cho HS các trường chuyên/ lớp chọn, các trường điểm đầy đủ điều kiện... thuộc khu vực thành phố. Mỗi năng lực chung và các năng lực thành phần của chúng được hình thành chủ yếu qua các hoạt động nhận thức ở các môn học/ trên lớp học/ trong nhà trường... trên nền của một môi trường học tập thân thiện, tích cực hóa người học... với các lí thuyết dạy học hiện đại như: dạy học kiến tạo; dạy học trải nghiệm; dạy học tương tác; dạy học bằng trò chơi... Mỗi bậc học, khối lớp, kiểu trường, trường thuộc khu vực nào... khi xây dựng chuẩn đầu ra cần mô tả rõ các năng lực trên theo các mức độ khác nhau (biểu hiện ra các hành vi có thể quan sát, đo lường được), phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.

\* **Nhóm các năng lực phi nhận thức (cốt lõi):** gồm các năng lực không thuần tâm thần, mà có sự pha trộn các nét/phẩm chất nhân cách rất cần thiết cho sự thành công học đường, thành công trong cuộc sống:

- (1) *Năng lực vượt khó;*
- (2) *Năng lực thích ứng, ứng phó stress*
- (3) *Năng lực quan sát; năng lực tập trung chú ý;*
- (4) *Năng lực quản lí/lãnh đạo/phát triển bản thân.*

Mỗi năng lực phi nhận thức cốt lõi này lại gồm một nhóm các năng lực cụ thể/ năng lực thành phần. Mỗi năng lực chung và các năng lực thành phần của chúng cũng được hình thành qua môn học, nhưng chủ yếu qua các hoạt động giáo dục ngoài môn học/ngoài lớp học trên nền của một môi trường tương tác văn hóa – xã hội tích cực (giàu tính tương tác, liên tục được trải nghiệm, không áp đặt từ GV/phụ huynh, HS được

(Xem tiếp trang 8)